

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường

Đoàn Thị Quý^(*)

Tóm tắt: Xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường là mục tiêu quan trọng mà nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang hướng tới. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước cũng rất coi trọng công tác bảo vệ môi trường. Dù chưa đưa ra hệ thống lý luận thống nhất về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường, nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những quan điểm rõ ràng và nhất quán về vấn đề này. Bài viết phân tích quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường thể hiện trong các văn kiện của Đảng, từ Đại hội Đảng lần thứ VI cho đến Đại hội Đảng lần thứ XIII, chỉ ra sự phát triển quan điểm đó của Đảng qua ba giai đoạn cụ thể: giai đoạn đặt nền móng cho quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường (từ Đại hội VI-VIII); giai đoạn định hình quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường (từ Đại hội IX-XII) và giai đoạn thể chế hóa quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường (từ Đại hội XIII cho đến nay).

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam, Quan điểm, Văn hóa, Bảo vệ môi trường, Văn kiện

Abstract: Targeting a culture of environmental protection has been striven toward by many countries worldwide. The Communist Party and the State of Vietnam attach great importance to environmental protection. It can be argued that, while a unified theoretical system for building a culture of environmental protection has not yet been formulated, the Communist Party of Vietnam has articulated clear and consistent viewpoints on this matter. This article analyzes the Party's viewpoints on building the environmental culture as expressed in its official documents from the 6th to the 13th National Congress, and identifies them through three specific development stages: laying the foundation (from the 6th to the 8th National Congress); shaping the Party's conception (from the 9th to the 12th National Congress); and the current stage (from the 13th National Congress to the present).

Keywords: The Communist Party of Vietnam, Viewpoint, Culture, Protecting Environment, Documents

Ngày nhận bài: 22/9/2025; Ngày duyệt đăng: 15/10/2025

1. Mở đầu

Môi trường sinh thái đóng vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển

của nhân loại nói chung, sinh mệnh của mỗi quốc gia nói riêng. Đời sống con người càng được cải thiện, kinh tế càng phát triển thì vấn đề môi trường càng trở nên cấp bách và mang tính toàn cầu. Có thể nói, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở

^(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: doanthiquy@yahoo.com

nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đã và đang gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng cho môi trường, khiến môi trường ngày càng ô nhiễm. Ý thức được tầm quan trọng của môi trường và bảo vệ môi trường, Chỉ thị số 36/1998/CT-TW ngày 25/6/1998 của Bộ Chính trị về *tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*¹ khẳng định: “Bảo vệ môi trường là một vấn đề sống còn của đất nước, của nhân loại; là nhiệm vụ có tính xã hội sâu sắc, gắn liền với cuộc đấu tranh xóa đói, giảm nghèo của mỗi nước, với cuộc đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ xã hội trên phạm vi toàn thế giới”. Trong các văn kiện khác, Đảng ta luôn đề cao việc bảo vệ môi trường và dù chưa trực tiếp đề cập đến “văn hóa bảo vệ môi trường” hay “văn hóa môi trường” nhưng một số nội dung cơ bản của “văn hóa bảo vệ môi trường” đã được thể hiện ít nhiều trong các văn kiện Đại hội Đảng qua các kỳ đại hội. Đặc biệt, văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII đã thể hiện rõ và cụ thể quan điểm cốt lõi về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường của Đảng.

2. Sự phát triển nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường

“Văn hóa bảo vệ môi trường” hay “Văn hóa môi trường” (environmental culture) là thuật ngữ xuất hiện từ những năm 1970 ở các nước phương Tây, nhưng theo một số nhà nghiên cứu, nội hàm của khái niệm này đã được thể hiện phần nào trong tư tưởng của một số học giả phương Đông từ cuối thế kỷ XIX. Có nhiều cách định nghĩa khác nhau về “văn hóa môi trường” nhưng cơ

bản, có thể hiểu “văn hóa môi trường” là “một hệ thống phức hợp các quy tắc, chuẩn mực và hình thức tổ chức được một xã hội hoặc một nhóm xã hội cùng chia sẻ, tiếp thu thông qua giáo dục và quá trình xã hội hóa, góp phần duy trì sự cân bằng môi trường. Văn hóa môi trường biểu hiện qua các chuẩn tắc, niềm tin, giá trị, khái niệm, tri thức, thói quen, thực hành, kỳ vọng, lối sống, thiết chế và các mô hình tổ chức kinh tế - xã hội, mà tổng thể của chúng bảo đảm tính bền vững môi trường của một cộng đồng” (Spinola, 2021). Có thể thấy, khái niệm “văn hóa môi trường” luôn gắn liền với giáo dục môi trường về phát triển bền vững và cư xử hài hòa với tự nhiên, dựa trên những quy tắc và giá trị của đạo đức sinh thái như công bằng xã hội, công bằng sinh thái...

Căn cứ vào mức độ thể hiện nội dung “văn hóa bảo vệ môi trường” và mức độ thể chế hóa định hướng, quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường thành chiến lược, chính sách và pháp luật,... có thể chia sự phát triển trong nhận thức của Đảng về bảo vệ môi trường và xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường từ Đổi mới cho đến nay thành ba giai đoạn như sau:

2.1. Giai đoạn đặt nền móng cho quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường (từ Đại hội VI đến Đại hội VIII)

Bước vào thời kỳ đổi mới (năm 1986), Việt Nam chuyển từ nền kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bước chuyển này đã làm thay đổi đáng kể đời sống kinh tế và xã hội nước ta. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế giai đoạn này chưa làm nảy sinh những vấn đề nghiêm trọng về môi trường, do đó, Đảng ta chưa đưa ra những quan điểm nhấn mạnh việc bảo vệ môi trường. Vấn đề bảo vệ môi trường chỉ

¹ Xem: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Chi-thi-36-1998-CT-TW-tang-cuong-cong-tac-bao-ve-moi-truong-thoi-ky-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-dat-nuoc-47395.aspx>

mới được đề cập ở mức độ gắn liền với việc khai thác hiệu quả tài nguyên môi trường, đồng thời bước đầu ý thức được tình trạng suy thoái môi trường.

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI (năm 1986) khẳng định: “tài nguyên của đất nước chưa được khai thác tốt, lại bị sử dụng lãng phí, nhất là đất nông nghiệp và tài nguyên rừng; môi trường sinh thái bị phá hoại” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2005: 20). Tuy chưa đề cập rõ ràng đến bảo vệ môi trường, nhưng ngay ở thời kỳ này, Đảng đã có tư duy về phát triển bền vững, được thể hiện qua quan điểm: thống nhất giữa chính sách phát triển kinh tế và chính sách xã hội, tránh thái độ coi nhẹ chính sách xã hội và tư tưởng khai thác tài nguyên môi trường phải để ý đến “cân bằng sinh thái”. Trong Văn kiện Đại hội VI, Đảng đưa ra định hướng: “trong việc khai thác, cần đề cao kỷ luật, giữ đúng quy trình kỹ thuật, có tính tới cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường sống” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2005: 156).

Vấn đề bảo vệ môi trường được Đảng đề cập lần đầu tiên với tư cách là một trong những trụ cột của phát triển đất nước, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta chính là ở Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VII (năm 1991). Theo đó, Đảng khẳng định: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2005: 339). Một số nội dung của văn hóa bảo vệ môi trường đã được Đảng chỉ rõ: “Bảo vệ và sử dụng hợp lý các tài nguyên, cải thiện môi trường, ngăn chặn tình trạng hủy hoại đang diễn ra nghiêm trọng, chống xu hướng chạy theo tốc độ tăng trưởng và lợi ích trước mắt, gây hại cho môi trường”; “... Tuân thủ nghiêm ngặt việc bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái cho thế hệ hiện tại và mai sau” (Đảng Cộng sản

Việt Nam, 2005: 375, 376). Cũng ở văn kiện này, lần đầu tiên Đảng đưa ra cụm từ “cải thiện môi trường” và khẳng định bảo vệ môi trường không chỉ ở việc ngăn ngừa, phòng chống ô nhiễm môi trường, mà còn “cải thiện môi trường” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2005: 481).

Tới Đại hội Đảng lần thứ VIII (năm 1996), Đảng tiếp tục thể hiện nhất quán quan điểm phát triển kinh tế gắn với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, đưa ra những định hướng cụ thể, sâu sắc hơn trong công tác bảo vệ môi trường: “Đánh giá chính xác tài nguyên quốc gia, từ đó đề xuất một chiến lược đúng đắn về khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên. Bảo đảm cơ sở khoa học và công nghệ cho việc khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái. Áp dụng các công nghệ hiện đại trong việc kiểm soát, đánh giá và xử lý tác động môi trường. Ưu tiên các công nghệ sạch, tốn ít nguyên, nhiên liệu. Đề xuất các phương pháp khoa học và ứng dụng các phương tiện kỹ thuật để hạn chế hậu quả thiên tai” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2005: 706).

Chỉ thị số 36/1998/CT-TW - *Chỉ thị đầu tiên của Đảng về bảo vệ môi trường cũng được ban hành trong giai đoạn này*. Dựa trên việc nhấn mạnh tầm quan trọng của bảo vệ môi trường đối với sự phát triển của đất nước và thế giới, chỉ thị này khẳng định: “Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, phục hồi và cải thiện môi trường của những nơi, những vùng đã bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học, từng bước nâng cao chất lượng môi trường ở các khu công nghiệp, đô thị và nông thôn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và “Bảo vệ môi trường là

sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Bảo vệ môi trường là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Coi phòng ngừa và ngăn chặn ô nhiễm là nguyên tắc chủ đạo kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên. Kết hợp phát huy nội lực với tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững”.

Có thể thấy, ở giai đoạn này, Đảng đã đưa ra những nguyên tắc cơ bản, đặt nền móng cho việc xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường. So với các kỳ Đại hội trước, Văn kiện Đại hội VIII và Chỉ thị số 36/1998/CT-TW cho thấy một số điểm mới, thể hiện sự tiến bộ trong quan điểm của Đảng về công tác bảo vệ môi trường, trong đó có một số nội dung của công tác bảo vệ môi trường gắn liền với phát triển bền vững. Đây là lần đầu tiên Đảng sử dụng thuật ngữ “phát triển bền vững”, qua đó, cho thấy quan điểm của Đảng về văn hóa bảo vệ môi trường cũng đã được thể hiện rõ. Đồng thời, Đảng cũng chỉ rõ bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Nói cách khác, Đảng đã làm rõ chủ thể bảo vệ môi trường trong xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường.

Giai đoạn này cũng đánh dấu những chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ môi trường đã được thể chế hóa thành quy định, pháp luật. Nếu như năm 1986, ở Việt Nam, hầu như chưa có quy định cụ thể nào về phòng, chống ô nhiễm môi trường và kiểm soát suy thoái môi trường, thì đến năm 1993, với sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước Việt Nam đã ban hành Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Giai đoạn định hình quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường (từ Đại hội IX đến Đại hội XII)

Đại hội IX (năm 2001) đã kế thừa những quan điểm tiên bộ của Đảng về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững từ các kỳ đại hội trước. Văn kiện Đại hội IX tiếp tục khẳng định bảo vệ môi trường là một trong những trụ cột của phát triển bền vững và gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, “kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ và cải thiện môi trường theo hướng phát triển bền vững; tiến tới bảo đảm cho mọi người dân đều được sống trong môi trường có chất lượng tốt về không khí, đất, nước, cảnh quan và các nhân tố môi trường tự nhiên khác đạt chuẩn mực tối thiểu do Nhà nước quy định” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2005: 1067). Có thể thấy, Đảng luôn khẳng định phát triển kinh tế phải song hành với phát triển xã hội, đảm bảo tăng trưởng kinh tế gắn liền với những giá trị tiến bộ về xã hội và môi trường. Nói cách khác, Đảng luôn hướng tới phát triển bền vững, đồng bộ cả 3 mục tiêu: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX đã tiếp tục khẳng định: “Bảo vệ và cải tạo môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, tăng cường quản lý nhà nước đi đôi với nâng cao ý thức trách nhiệm của mọi người dân. Chủ động gắn kết yêu cầu cải thiện môi trường trong những quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội, coi yêu cầu về môi trường là một tiêu chí quan trọng đánh giá giải pháp phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2005: 966). Như vậy, so với những kỳ Đại hội trước, ở Đại hội IX, tiêu chí bảo vệ môi trường, những yêu cầu về môi trường đã được Đảng nhấn mạnh là tiêu chí quan trọng để đánh giá phát triển. Quan điểm của Đảng về bảo vệ

môi trường, phát triển bền vững trong Đại hội IX được xem là “cơ sở lý luận khoa học để Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004 về định hướng Chiến lược về phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam). Đây là văn bản pháp lý đầu tiên của Nhà nước ta về phát triển bền vững ở Việt Nam...” (Nguyễn Văn Động, 2014: 23).

Thực hiện các định hướng, chủ trương của Đảng, Việt Nam đã đạt được một số thành tựu quan trọng trong bảo vệ môi trường, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những hạn chế. Trên cơ sở thẳng thắn chỉ ra những nguyên nhân của tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường, Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về *bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*¹ đã đưa ra định hướng trong xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường: “Xây dựng nước ta trở thành một nước có môi trường tốt, có sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; mọi người đều có ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2004: 3).

Đại hội X (năm 2006) tiếp tục đưa ra những chủ trương mới về bảo vệ môi trường. Nếu ở Đại hội IX, bảo vệ môi trường được xem là một trụ cột trong phát triển bền vững, nhưng chưa đề ra chỉ tiêu cụ thể về môi trường (mới chỉ đưa ra chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội) thì đến Đại hội X, lần đầu tiên Đảng đề ra chỉ tiêu cụ thể về môi trường trong báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

giai đoạn 2006-2010, trong đó đưa ra các chỉ tiêu về môi trường vào năm 2010 như: tỷ lệ che phủ rừng, tỷ lệ dân cư thành thị và nông thôn sử dụng nước sạch, tỷ lệ cơ sở sản xuất áp dụng công nghệ sạch...

Cũng như các kỳ đại hội trước, Đại hội lần thứ XI (năm 2011), Đảng khẳng định tầm quan trọng của bảo vệ môi trường và nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, xã hội trong việc bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, trước tình trạng biến đổi khí hậu (BĐKH) ngày càng trầm trọng và Việt Nam được xem là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của BĐKH, Đảng đã nhấn mạnh nhiệm vụ đối phó với BĐKH bên cạnh đề cao việc bảo vệ và cải thiện môi trường. Văn kiện Đại hội XI khẳng định: “Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chú trọng ứng phó với BĐKH”; “Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo và ứng phó với sự BĐKH, các thảm họa thiên nhiên. Tăng cường quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011: 42, 43); “Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với BĐKH” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011: 99).

Ở Đại hội Đảng lần thứ XII (năm 2016), vấn đề ứng phó với BĐKH cũng được Đảng coi là một nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài. Để bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với BĐKH, Đảng đã nêu

¹ Xem: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-41-nqtw-ngay-15112004-cua-bo-chinh-tri-ve-bao-ve-moi-truong-trong-thoi-ky-day-manh-cong-nghiep-hoa-hien-dai-278>

nhiều chủ trương cụ thể như: điều tra cơ bản về tài nguyên môi trường; tăng cường nghiên cứu; ưu tiên cho các dự án đáp ứng với biến đổi khí hậu; hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng xanh, thân thiện với môi trường; nâng cao năng lực quản lý về quy hoạch đô thị, đảm bảo phát triển bền vững; nâng cao năng lực dự báo, giám sát BĐKH; phát huy vai trò của cộng đồng, doanh nghiệp và hợp tác quốc tế, thực hiện hiệu quả công tác phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường; cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân; kiểm soát chặt chẽ các nguồn ô nhiễm; khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo và các nguyên liệu, vật liệu mới, thân thiện với môi trường... (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016: 289-306).

2.3. Giai đoạn thể chế hóa quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường (từ Đại hội XIII đến nay)

Có thể nói, từ Đại hội VI đến Đại hội XII, Đảng thể hiện rõ việc lựa chọn những giá trị, nguyên tắc làm cơ sở cho phát triển đất nước và xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường ở Việt Nam, đó là: phát triển bền vững về cả kinh tế, xã hội và môi trường; không đánh đổi môi trường để phát triển kinh tế; cân bằng môi trường, sinh thái... Đó cũng chính là những nền tảng lý luận mà Nhà nước dựa vào đó để thể chế hóa thành những quy định, pháp luật bảo vệ môi trường ở nước ta theo định hướng phát triển bền vững. Tuy nhiên, phải đến Đại hội XIII, quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường mới được thể hiện đầy đủ và có tính hệ thống hơn.

Điểm mới trong quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường ở Đại hội Đảng lần thứ XIII (năm 2021) chính là Đảng đã đặt vấn đề bảo vệ môi trường lên

hàng đầu. Nếu ở các kỳ đại hội trước, vấn đề môi trường từ chỗ chưa được xem là trụ cột trong phát triển bền vững của đất nước, rồi trở thành một trụ cột chính của phát triển bền vững và vai trò của bảo vệ môi trường (cân bằng sinh thái) mới chỉ được tính tới sau khi đưa ra các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, thì ở Đại hội XIII, bảo vệ môi trường được xem trọng, là mục tiêu hàng đầu. Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: “Lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường” (Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 1, 2021: 117).

Từ quan điểm mang tính chất nền tảng này, bảo vệ môi trường đã trở thành tiêu chí vô cùng quan trọng trong mô hình phát triển của Việt Nam. Đại hội lần thứ XIII xác định mô hình phát triển kinh tế nước ta theo hướng tăng cường xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường. Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: “Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với BĐKH; phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, các bon thấp; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất” (Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 1, 2021: 275); “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 1, 2021: 120, 121).

Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế hướng tới việc sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, tái chế chất thải, hướng tới sự

bền vững về môi trường. Kinh tế tuần hoàn là “mô hình kinh tế mà trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm thiểu khai thác nguyên vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và loại bỏ các tác động tiêu cực tới môi trường” (Quốc hội, 2020). Trên thế giới, hiện nay mới có khoảng hơn 40 quốc gia/vùng lãnh thổ dự kiến theo đuổi mô hình phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh. Ở Việt Nam, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, các Nghị quyết của Đảng về phát triển năng lượng quốc gia, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nông thôn... đều trực tiếp đề cập đến kinh tế tuần hoàn và khuyến khích phát triển kinh tế tuần hoàn. Đặc biệt, Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên ở ASEAN đã thể chế hóa những định hướng về phát triển kinh tế tuần hoàn trong các văn kiện của Đảng thành pháp luật. Những quy định liên quan tới định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn đã được đưa vào Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật (Võ Tuấn Nhân, 2023: 9, 10).

Như vậy, mặc dù Đảng chưa đề cập trực tiếp và chưa có hệ thống lý luận thống nhất về văn hóa môi trường hay xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường nhưng có thể thấy trong giai đoạn hiện nay, quan điểm về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường của Đảng đã được thể hiện rõ ràng và cụ thể.

Thứ nhất, về giá trị, nguyên tắc đạo đức môi trường làm nền tảng để xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường, Đảng ta đã nhấn mạnh mối quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên, “cân bằng sinh thái”, “giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường”, xem bảo vệ môi trường là trụ cột chính, “vừa là mục tiêu, vừa là nội dung” của phát triển bền vững. Các nguyên tắc của đạo đức môi

trường cũng được Đảng thể hiện rõ, đó là nguyên tắc công bằng môi trường. Nguyên tắc này có nghĩa là đảm bảo sự bình đẳng của con người và các thế hệ trong hưởng thụ lợi ích môi trường và chia sẻ trách nhiệm đối với những thiệt hại môi trường. Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: “Thực hiện nguyên tắc đối tượng gây ô nhiễm môi trường phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; đối tượng được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho bảo vệ môi trường” (Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 1, 2021: 275).

Thứ hai, thể chế hóa những định hướng phát triển văn hóa bảo vệ môi trường thành quy định, pháp luật bảo vệ môi trường. Thực hiện chủ trương, định hướng của Đảng, Quốc hội đã ban hành Luật Bảo vệ môi trường lần đầu vào năm 1993; được sửa đổi, bổ sung vào các năm 2005, 2014 và 2020. Trong đó, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022. Chính phủ cũng ban hành nhiều Nghị định về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Theo khảo sát của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cùng một số bộ khác có liên quan, cho đến nay, Việt Nam có khoảng trên 200 văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới bảo vệ môi trường (Trần Ngọc Ngoạn, Nguyễn Thị Bích Nguyệt, 2024: 8). Đặc biệt, luật pháp Việt Nam ngày càng có nhiều quy định đề cao văn hóa bảo vệ môi trường, coi đây là ưu tiên hàng đầu của tiến bộ xã hội.

Thứ ba, một trong những nội dung chính của văn hóa bảo vệ môi trường là Nhà nước có cơ chế phát triển kinh tế và xây dựng các thiết chế xã hội gắn với bảo vệ môi trường. Với việc đề cao, khuyến khích phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, gắn tiêu chí bảo vệ môi trường với các hoạt

động của nền kinh tế và nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác, Đảng đã thúc đẩy, tăng cường xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường.

Thứ tư, tăng cường giáo dục văn hóa môi trường cho mọi tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là giáo dục cho thế hệ trẻ. Đảng luôn khẳng định bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và hệ thống chính trị. Chính vì vậy, Đảng hết sức đề cao việc nâng cao nhận thức của quần chúng nhân dân về bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động đối phó với BĐKH. Đây cũng là giải pháp mà Đảng đưa ra xuyên suốt trong các kỳ đại hội. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: “Đẩy mạnh giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 1, 2021: 143).

Dưới sự lãnh đạo và định hướng của Đảng, Việt Nam đã đạt được một số thành tựu đáng kể về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường. Hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, khai thác tài nguyên thiên nhiên được bổ sung và hoàn thiện hơn. Nhiều chỉ tiêu về môi trường đã đạt được mục tiêu đề ra, trong đó có một số chỉ tiêu còn vượt kế hoạch. Cụ thể, “Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2020 đạt khoảng 90%, tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nguồn nước ăn uống hợp vệ sinh ước đạt 90,2% tăng mạnh so với năm 2015 (86,2%). Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2020 là 90%. Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 khoảng 42%, đạt mục tiêu, kế hoạch đề ra” (Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 2, 2021: 50, 51). Tuy nhiên, công tác bảo vệ môi trường, xây dựng văn hóa bảo

vệ môi trường ở nước ta còn tồn tại nhiều rào cản, cụ thể: Một số quy định pháp luật về bồi thường cho những vi phạm về môi trường còn chung chung, chưa có chế tài xử phạt nghiêm minh, chưa thể chế hóa được thành luật những nguyên tắc về công bằng môi trường một cách cụ thể, chưa thiết lập được tòa án môi trường...; Một số dự án, chương trình phát triển kinh tế không tuân thủ mục tiêu về bảo vệ môi trường, nguồn lực dành cho bảo vệ, cải thiện môi trường còn thấp; Giáo dục văn hóa môi trường ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. So với rất nhiều nước đã “môi trường hóa” được toàn bộ hệ thống giáo dục thì giáo dục văn hóa môi trường ở nước ta chỉ mới dừng lại ở việc lồng ghép một số vấn đề môi trường vào các chương trình giảng dạy một số môn học như địa lý, khoa học...

3. Kết luận và kiến nghị

Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra những tư tưởng đúng đắn và tiến bộ về văn hóa bảo vệ môi trường, xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường. Từ Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) đến nay, sự phát triển nhận thức của Đảng về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường được thể hiện qua ba giai đoạn: giai đoạn đặt nền móng cho quan điểm xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường; giai đoạn định hình tư tưởng và giai đoạn hiện nay - thể chế hóa thành các quy định, pháp luật. Những tư tưởng của Đảng về xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường bao gồm: đề cao bảo vệ môi trường, nhấn mạnh mối quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên, “cân bằng sinh thái”, “giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường”, xem bảo vệ môi trường là trụ cột chính của phát triển bền vững; đưa ra các nguyên tắc về công bằng môi trường; đưa ra các chủ trương, định hướng để thể chế hóa việc bảo vệ môi trường thành luật; tạo ra cơ chế phát triển

kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường; xem trọng giáo dục văn hóa môi trường... Tuy nhiên, công tác xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường ở Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế đáng kể. Để có thể khắc phục được những hạn chế đó, cần phải đưa ra nhiều giải pháp đồng bộ xây dựng các thể chế về pháp luật, kinh tế, xã hội thúc đẩy văn hóa bảo vệ môi trường, đồng thời phải “môi trường hóa” được toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân. Theo đó, một mặt, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh; có chế tài xử phạt nghiêm minh các hành vi gây ra ô nhiễm môi trường; thiết lập tòa án môi trường; ban hành bộ chỉ số văn hóa bảo vệ môi trường, xem đó là một trong những chỉ tiêu đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của từng tỉnh, ban, ngành. Mặt khác, tích hợp các nội dung về văn hóa môi trường trong mọi chương trình giảng dạy và tài liệu đào tạo; xây dựng hệ thống ấn phẩm, khóa học và các hoạt động nhằm bồi dưỡng văn hóa môi trường cho mọi nhóm dân cư □

Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Lê Thị Thanh Hà, Nguyễn Thị Hà (2023), “Quản lý, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, *Chủ nghĩa xã hội lý luận và thực tiễn*, số 1, tr. 10-16.
- Đỗ Phú Hải (2019), “Chính sách bảo vệ môi trường ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp”, *Khoa học chính trị*, số 1, tr. 37-46.
- Nguyễn Thị Hồng (2020), “Quan niệm của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII về công tác bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Đại học Hồng Đức*, số 48, tr. 81-89.
- Võ Tuấn Nhân (2023), “Phát triển các mô hình kinh tế xanh, ít chất thải, carbon thấp và tuần hoàn để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững”, *Môi trường*, số 11, tr. 9-12.
- Trần Ngọc Ngoạn, Nguyễn Thị Bích Nguyệt (2024), “Thực hiện quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, *Tạp chí nghiên cứu Địa lý nhân văn*, số 2, tr. 3-14.
- Quốc hội (2020), *Luật Bảo vệ môi trường*, <https://pcttbinhdinh.gov.vn/laws/detail/Luat-Bao-ve-moi-truong-115>
- Nguyễn Ngọc Sinh (2015), “Thay đổi cung cách ứng xử đối với thiên nhiên, xây dựng văn hóa môi trường tiên tiến hướng tới phát triển bền vững đất nước”, *Môi trường*, số 1-2, tr. 44-46, 89.
- Spínola, H. (2021), “Environmental culture and education: A new conceptual framework”, *Creative Education*, 12: 983-998. doi: 10.4236/ce.2021.125072.